CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND

Ngày 30/06/2025	14,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	5.3%	**5.2%**	**-1.0%**

DT thuần
Q2/25
3.95
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.43| -57.9%
YoY: ▼0.04| -1.0%

LN thuần
Q2/25
1.38
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.71| -34.2%
YoY: ▲ 1.09| 375%

LN sau thuế
Q2/25
1.14
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.64| -36.0%
YoY: ▲ 0.94| 470%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
50.1%
YoY: +/-▲ 25.4%

ROE (TTM)
Q2/25
1.2%
YoY: +/-▼ 0.1%

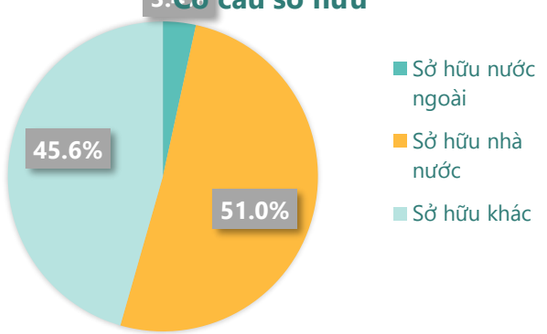
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	9,936 - 15,378
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	770
Số lượng CPLH (CP)	54,999,961
KLGD BQ 20 phiên (CP)	39,140
Sở hữu nước ngoài	3.4%
Beta	1.16
EPS	117
P/E	120.1

DT thuần
6T 2025
13.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.44| 94.3%

LN thuần
6T 2025
3.46
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.66| 331%

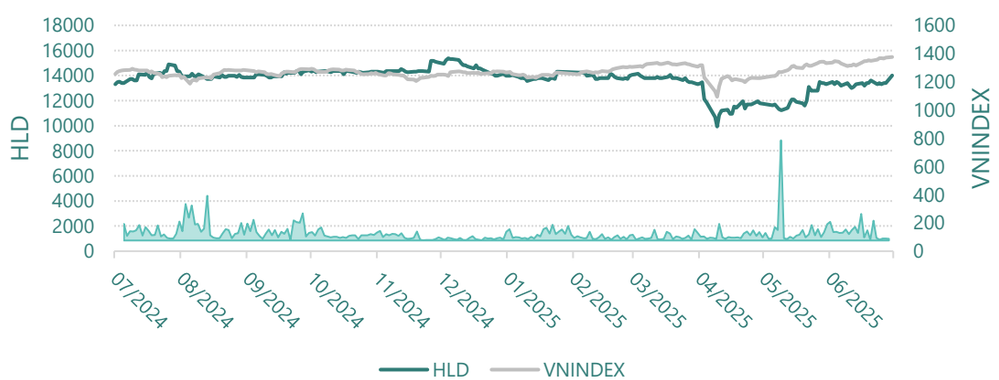
LN sau thuế
6T 2025
2.92
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.32| 383%

Cơ cấu sở hữu

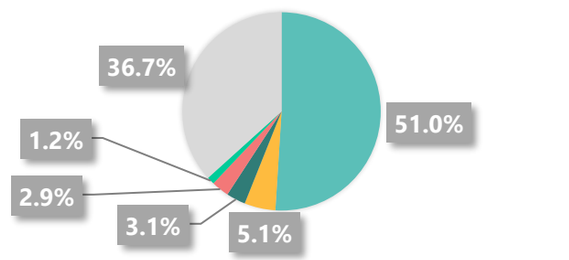


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



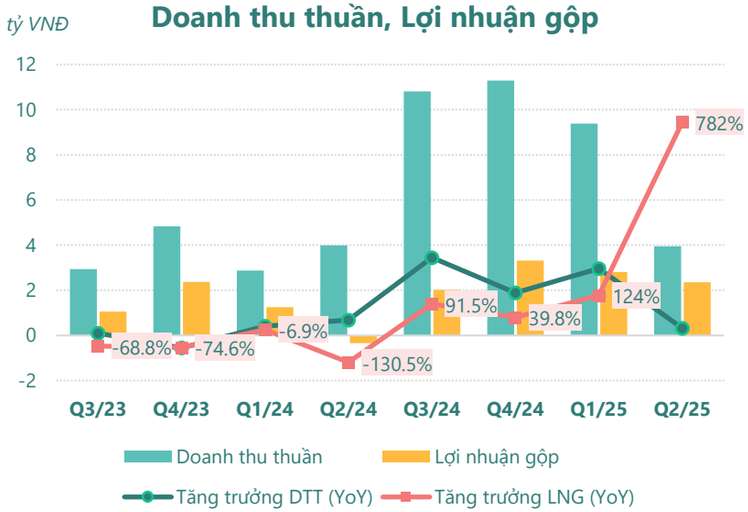
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

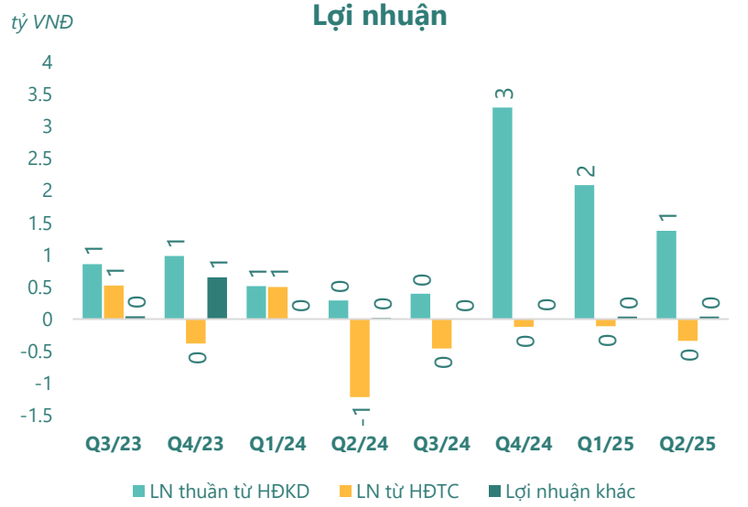
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



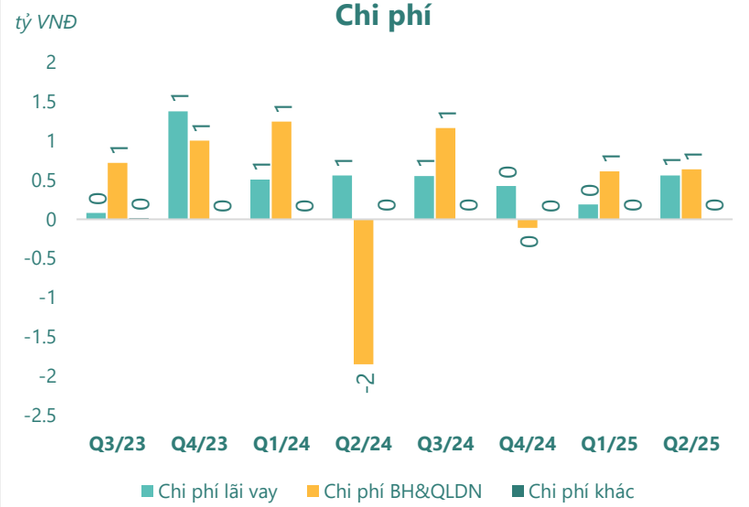
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



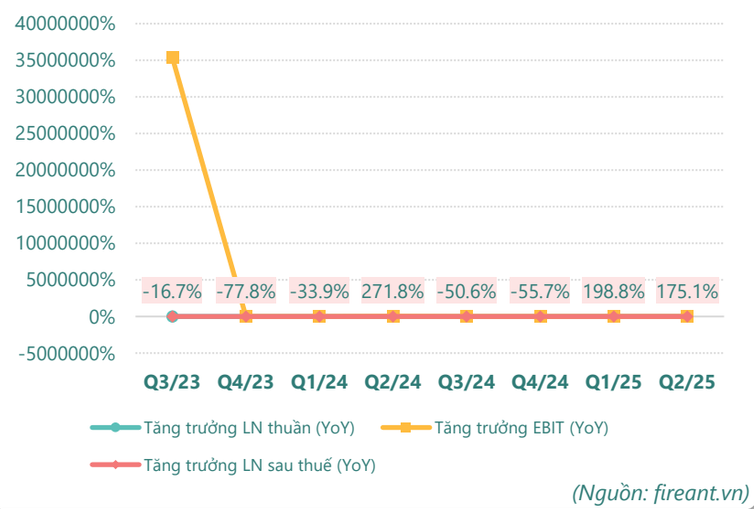
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



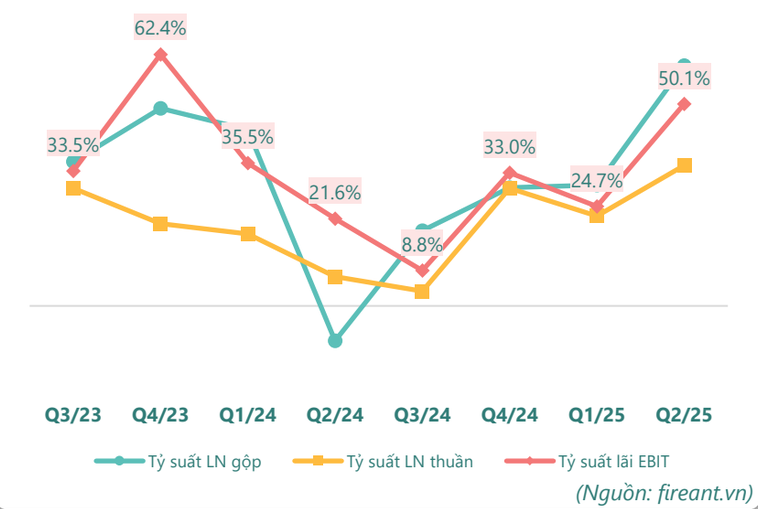
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



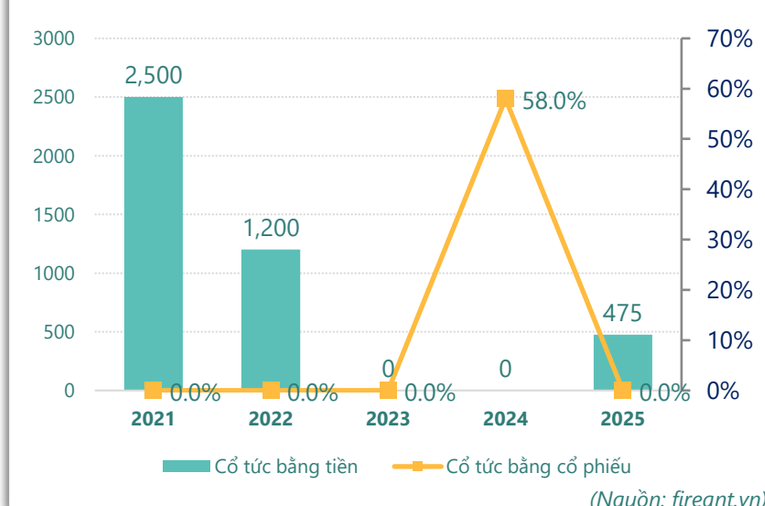
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

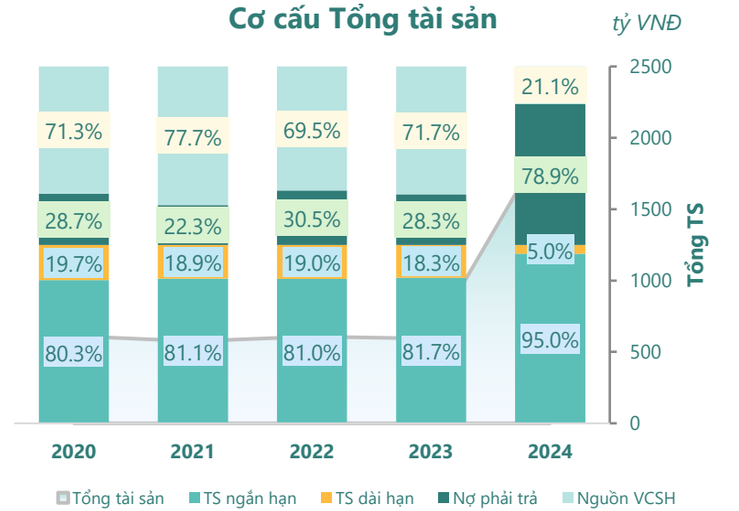
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

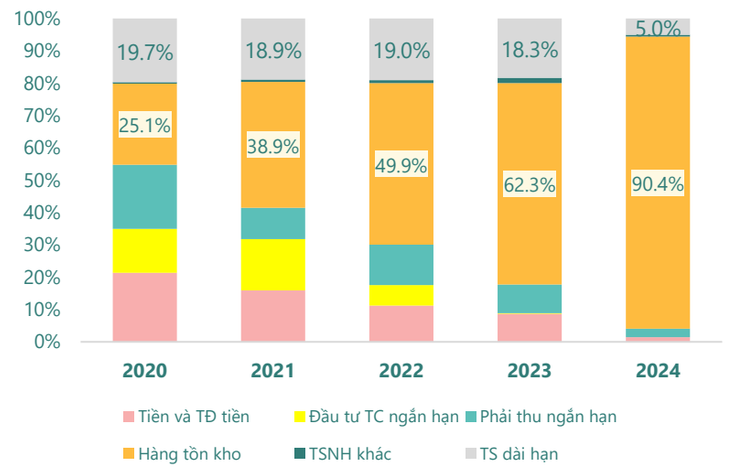
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



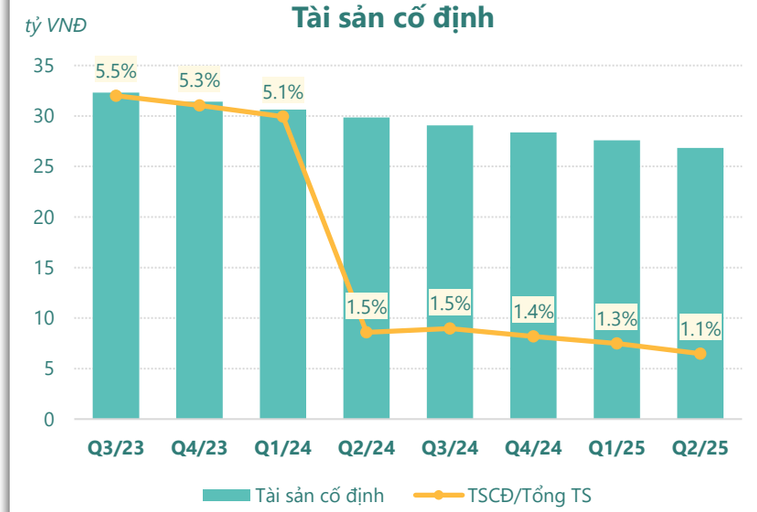
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



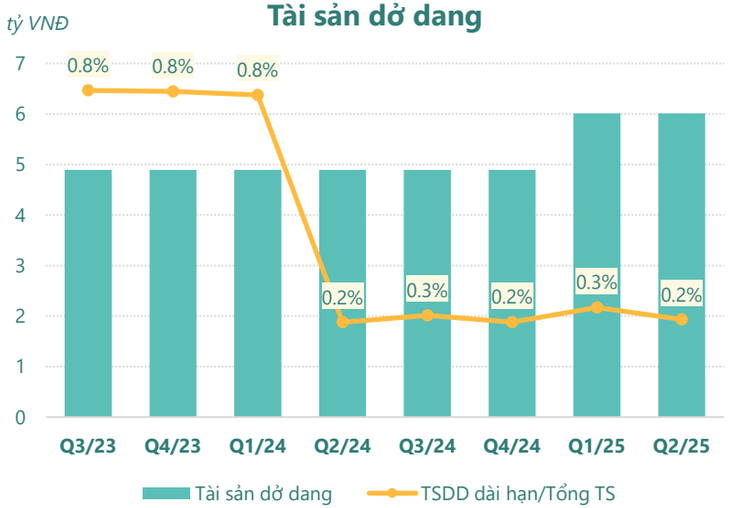
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



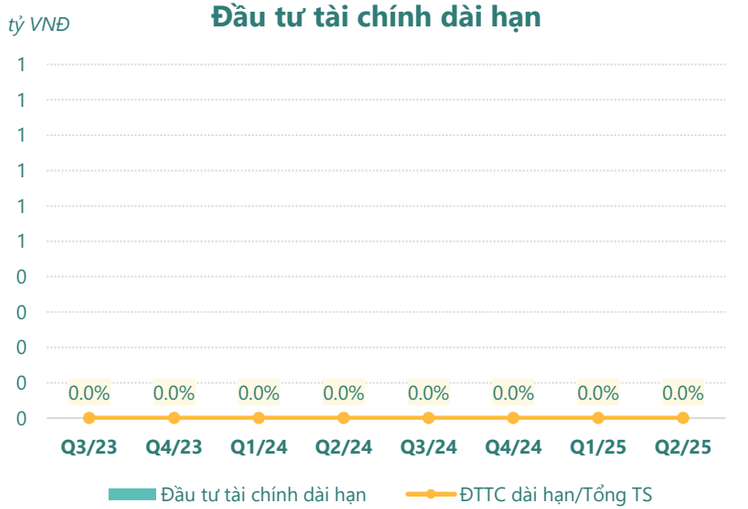
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



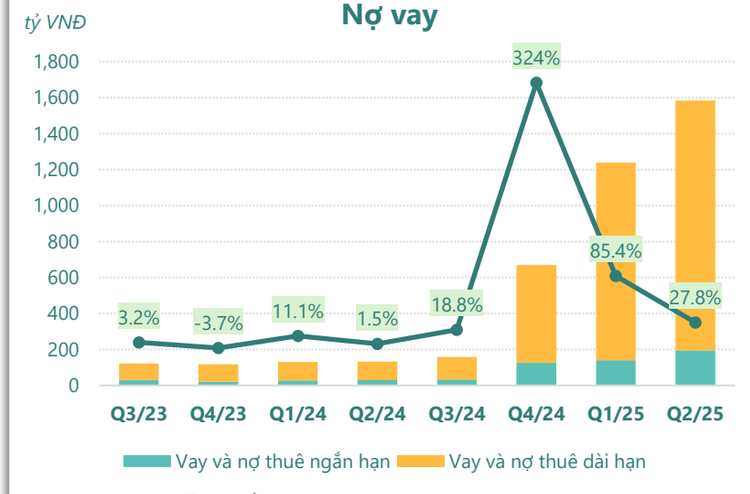
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

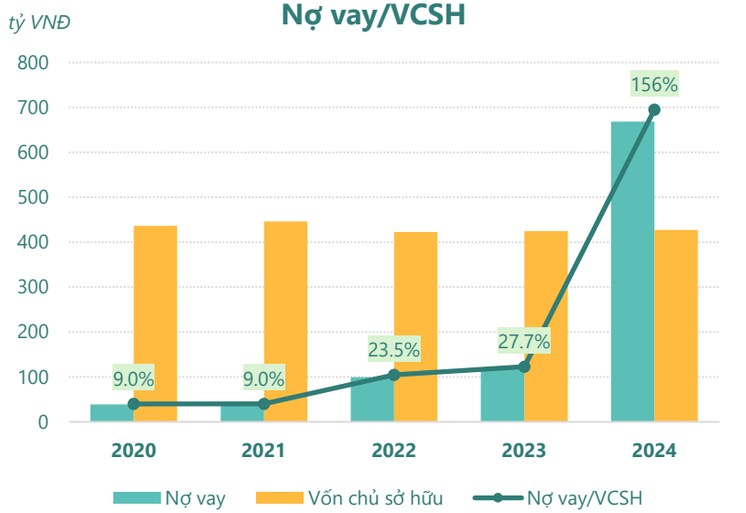
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

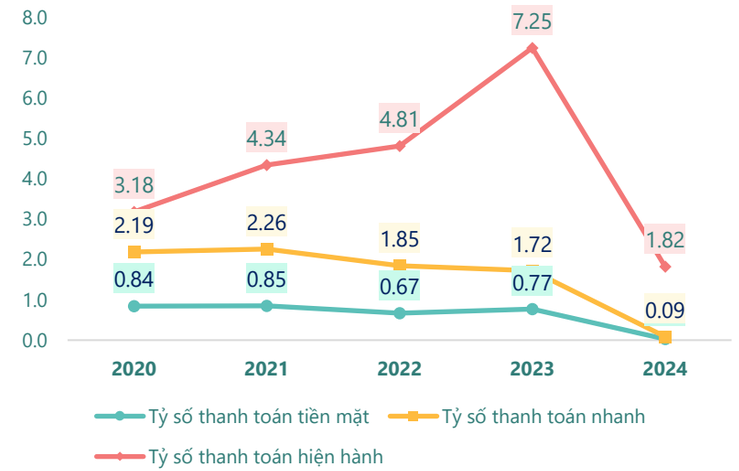
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



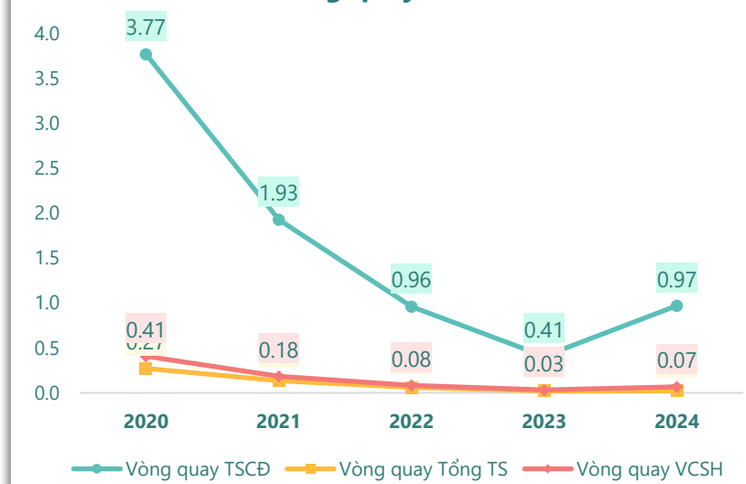
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



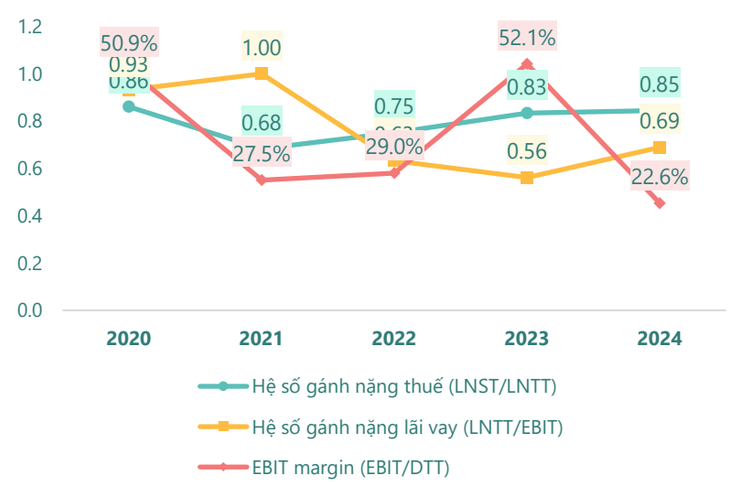
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



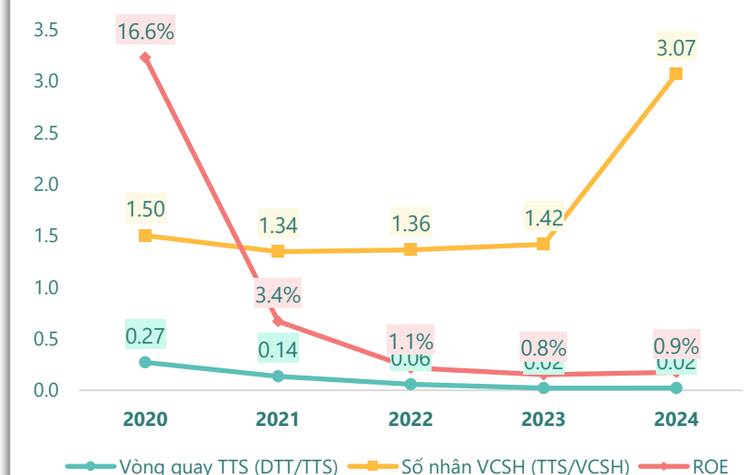
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



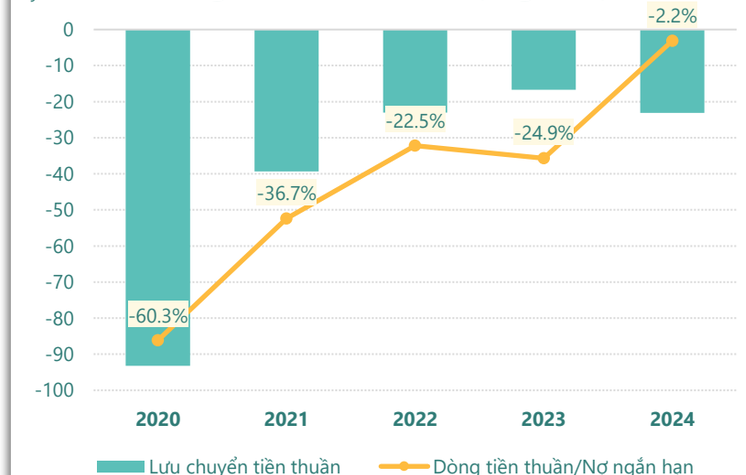
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**3.95**	**3.99**	**-1.0%**	**13.3**	**6.86**	**94.3%**
Giá vốn hàng bán	1.59	4.33	-63.2%	8.16	5.95	37.2%
Lợi nhuận gộp	2.36	-0.35	773%	5.17	0.91	466%
Doanh thu HĐTC	0.22	-0.66	133%	0.30	0.35	-15.5%
Chi phí TC	0.56	0.56	0.1%	0.75	1.06	-29.4%
Chi phí lãi vay	0.56	0.56	0.1%	0.75	1.06	-29.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	-2.69	100%	0.40	-1.55	126%
Chi phí QLDN	**0.64**	**0.84**	**-24.0%**	**0.85**	**0.95**	**-10.0%**
LN thuần từ HĐKD	1.38	0.29	375%	3.46	0.80	331%
Lợi nhuận khác	**0.04**	**0.02**	**105%**	**0.08**	**0.02**	**381%**
LN trước thuế	1.42	0.31	357%	3.54	0.82	332%
Lợi nhuận sau thuế	**1.14**	**0.20**	**470%**	**2.92**	**0.60**	**383%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.14**	**0.20**	**470%**	**2.92**	**0.60**	**383%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-43.7	-0.90	-12.6	-209	-92.4	-896
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	15.0	-12.8	13.0	-9.37	0.08	0.05
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	5.52	9.54	11.3	210	102	1,048
Tiền đầu kỳ	51.6	28.4	24.3	35.9	28.5	37.9
Lưu chuyển tiền thuần	**-23.2**	**-4.14**	**11.7**	**-7.64**	**9.44**	**152**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	28.4	24.3	35.9	28.3	37.9	190

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,418**	**2,023**	**19.5%**
Tài sản ngắn hạn	2,318	1,922	20.7%
Tiền và tương đương tiền	190	28.5	567%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	61.2	53.3	14.9%
Hàng tồn kho	2,045	1,829	11.8%
Tài sản ngắn hạn khác	21.8	10.3	110%
Tài sản dài hạn	**100**	**102**	**-1.6%**
Phải thu dài hạn	9.60	9.60	0.0%
Tài sản cố định	26.8	28.4	-5.4%
Bất động sản đầu tư	56.6	58.4	-3.1%
Tài sản dở dang	6.01	4.90	22.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**1.04**	**0.51**	**105%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,756	1,596	10.0%
Nợ ngắn hạn	**366**	**1,054**	**-65.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	194	126	53.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	11.0	5.17	113%
Nợ dài hạn	1,390	542	156%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,390	542	156%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**662**	**427**	**55.0%**
Vốn chủ sở hữu	**662**	**427**	**55.0%**
Vốn điều lệ	550	316	74.1%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)